

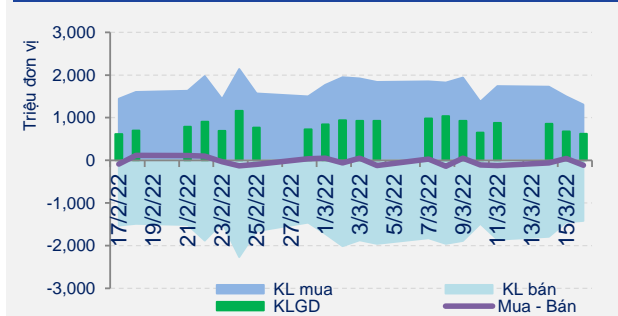
# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 16/3/2022

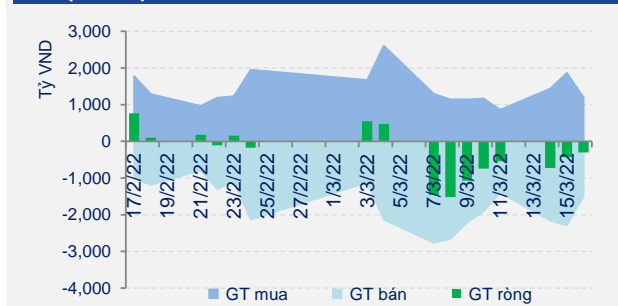
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,459.33	446.18
% Thay đổi	↑ 0.45%	↑ 0.60%
KLGD (CP)	624,217,642	83,139,661
GTGD (tỷ đồng)	18,743.47	2,336.59
Tổng cung (CP)	1,422,316,700	138,742,000
Tổng cầu (CP)	1,308,974,400	115,829,200

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	35,008,377	225,866
KL mua (CP)	25,383,503	196,390
GT mua (tỷ đồng)	1,202.25	4.51
GT bán (tỷ đồng)	1,502.56	9.90
GT ròng (tỷ đồng)	(300.31)	(5.39)

## Tương quan cung cầu HOSE



## Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.65%	20.6	3.4	1.9%
Công nghiệp	↑ 0.46%	23.1	3.2	17.8%
Dầu khí	↓ -0.11%	18.7	2.1	2.7%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.03%	-	11.8	3.9%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.48%	16.2	2.5	1.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.41%	18.6	3.5	10.0%
Ngân hàng	↑ 0.56%	12.1	2.3	19.2%
Nguyên vật liệu	↑ 0.43%	10.3	2.4	14.4%
Tài chính	↑ 0.39%	20.5	3.1	26.9%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.63%	17.9	2.7	1.7%
VN - Index	↑ 0.45%	16.7	3.1	
HNX - Index	↑ 0.60%	21.7	3.7	

## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Chứng khoán Mỹ hồi phục mạnh trong phiên đêm qua và giá vàng cũng như giá dầu tiếp tục điều chỉnh. Tại thị trường Việt Nam, các chỉ số có phiên hồi phục thứ hai liên tiếp nhưng với thanh khoản vẫn dưới mức trung bình. Cụ thể, VN-Index tăng 6,59 điểm (+0,45%) lên 1.459,33 điểm. Độ rộng thị trường là tích cực với 272 mã tăng (18 mã tăng trần), 71 mã tham chiếu, 150 mã giảm (2 mã giảm sàn). Nhóm ngân hàng tiếp tục duy trì được sắc xanh trong phiên thứ hai liên tiếp để hỗ trợ thị trường, có thể kể đến các mã như STB (+0,6%), MBB (+1,6%), TCB (+0,9%), LPB (+0,5%), CTG (+0,2%), SHB (+0,2%), VCB (+1,7%), CTSB (+0,5%)... Cổ phiếu hóa chất cũng tăng giá rất tích cực trong phiên hôm nay với DGC (+5,8%), DPM (+1,3%), DCM (+2,3%), CSV (+7%), BFC (+0,3%), LAS (+1,4%)... Nhóm thép cũng duy trì được sắc xanh nhưng mức tăng là khá yếu nếu so với phiên trước đó như HPG (+0,1%), HSG (+0,4%), NKG (+0,2%), TLH (+0,5%)... Nhóm xây dựng và vật liệu tiếp tục tích cực nhất thị trường với nhiều mã tăng mạnh như HUT (+5,2%), LCG (+1%), C4G (+2,1%), DPG (+2,5%), ROS (+2,9%)..., thậm chí tăng trần như TTB (+7%)... Ngành bảo hiểm cũng có một phiên tăng giá tích cực với BVH (+2%), BMI (+2,1%), MIG (+0,9%), PGI (+2,8%)... Tại nhóm bản lẻ, FRT (+7%) tăng trần lên mức giá 136.400 đồng/cổ phiếu, lập đỉnh lịch sử mới.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Việt Nam có phiên hồi phục nhẹ (+0,45%) thứ hai liên tiếp nhưng với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên hồi phục trước đó và ở mức dưới trung bình 20 phiên trong phiên thứ hai liên tiếp. Điều này tiếp tục cho thấy là tâm lý nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam vẫn đang có sự e dè và thận trọng nhất định nên vẫn chưa mạnh tay giải ngân trở lại. Phiên giao dịch tiếp theo ngày 17/3 sẽ là phiên đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30 tháng 3/2022 trên thị trường phái sinh nên những biến động mạnh có thể sẽ diễn ra, nhất là vào thời điểm cuối phiên. Nhà đầu tư cần lưu ý điều này để tránh bị bất ngờ dẫn đến bị động trong các quyết định. Tuy nhiên, nếu không có những bất ngờ về cuối phiên thì chúng tôi vẫn nghiêng về khả năng VN-Index có thể tiếp tục đà hồi phục hiện tại để thu hẹp dần khoảng cách với kháng cự 1.470 điểm. Những nhà đầu tư đã tham gia mua vào trong vùng hỗ trợ 1.425-1.450 điểm trong thời gian gần đây có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và gia tăng tỷ trọng nếu thị trường có nhịp chỉnh mạnh về hỗ trợ dài hạn quanh 1.410 điểm (MA200).

# MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 16/3/2022

## DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

### VN-Index:

VN-Index giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và duy trì được cho đến khi hết phiên, với mức cao nhất trong phiên tại 1.462,98 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 6,59 điểm (+0,45%) lên 1.459,33 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VCB tăng 1.400 đồng, GAS tăng 1.200 đồng, MBB tăng 500 đồng. Ở chiều ngược lại, BID giảm 500 đồng.

### HNX-Index:

HNX-Index giao dịch với sắc xanh trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện từ đầu phiên và duy trì tốt cho đến hết phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 448,3 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 2,66 điểm (+0,6%) lên 446,18 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: HUT tăng 2.300 đồng, THD tăng 800 đồng, VCB tăng 1.400 đồng. Ở chiều ngược lại, NTP giảm 5.800 đồng.

## GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

**Trên HOSE**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 300,31 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,6 triệu cổ phiếu. VIC là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 114,7 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VHM với 74,4 tỷ đồng tương ứng với 1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, STB là mã được mua ròng nhiều nhất với 48,5 tỷ đồng tương ứng với 1,5 triệu cổ phiếu.

**Trên HNX**, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 5,42 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 29 nghìn cổ phiếu. THD là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,9 tỷ đồng tương ứng với 11,4 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là NTP với 1,6 tỷ đồng tương ứng với 26,9 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 689 triệu đồng tương ứng với 13,8 nghìn cổ phiếu.

## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

### VN-Index:



VN-Index hồi phục nhẹ trong phiên thứ hai liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Điều này cho thấy là lực cầu mua lên không thực sự mạnh, nhà đầu tư vẫn đang có sự thận trọng nhất định ở thời điểm hiện tại.

Phân tích kỹ thuật theo lý thuyết sóng Elliott thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên hồi phục nhẹ hôm nay (+0,45%) thì tín hiệu kỹ thuật của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi. Vùng 1.425-1.450 điểm (đáy tháng 1/2022) sẽ tiếp tục là hỗ trợ trong phiên tiếp theo và ngưỡng 1.470 điểm sẽ là kháng cự gần nhất.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 17/3, VN-Index có thể sẽ biến động khó lường, nhất là thời điểm về cuối phiên do đây là ngày đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30 tháng 3/2022.

## TIN KINH TẾ VĨ MÔ

**Bộ trưởng Công Thương: Nếu công cụ thuế phí vẫn không tìm được giá xăng sẽ tính đến chính sách an sinh**

Sáng 16/3, Bộ trưởng Công Thương Nguyễn Hồng Diên nhận nhiều câu hỏi chất vấn về "giá xăng dầu có thể giảm không" tại phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.



## TIN TRONG NƯỚC

<b>Giá vàng trong nước giảm</b>	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 66,5 - 67,8 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 700.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
<b>Tỷ giá trung tâm tăng</b>	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 16/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.188 VND/USD, tăng 2 đồng so với hôm qua.

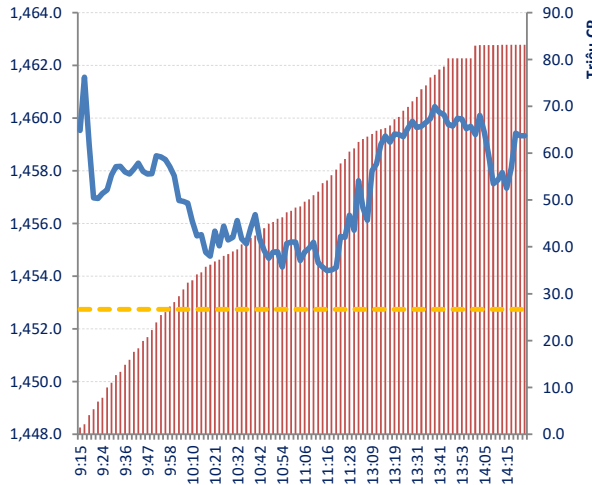
## TIN QUỐC TẾ

<b>Giá vàng thế giới giảm</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 6,25 USD/ounce tương ứng với 0,32% xuống 1.923,25 USD/ounce.
<b>Tỷ giá ngoại tệ: USD giảm</b>	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) giảm 0,354 điểm tương ứng 0,35% xuống 98,715 điểm. USD giảm so với EUR xuống: 1 EUR đổi 1,0985 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3071 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 118,33 JPY.
<b>Giá dầu thế giới tăng</b>	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 1,65 USD/thùng tương ứng với 1,68% lên 98,02 USD/thùng.
<b>Chứng khoán Mỹ hồi phục</b>	Kết thúc phiên giao dịch ngày 15/3, Dow Jones tăng 599,1 điểm tương ứng với 1,82% lên 33.544,34 điểm. Nasdaq tăng 367,4 điểm tương đương 2,92% lên 12.948,62 điểm. Nasdaq Composite tăng 89,34 điểm tương đương 2,14% lên 4.262,45 điểm.

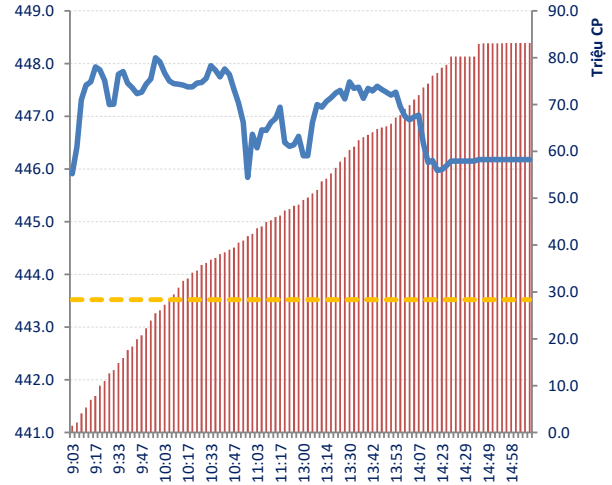


### THÔNG KÊ GIAO DỊCH

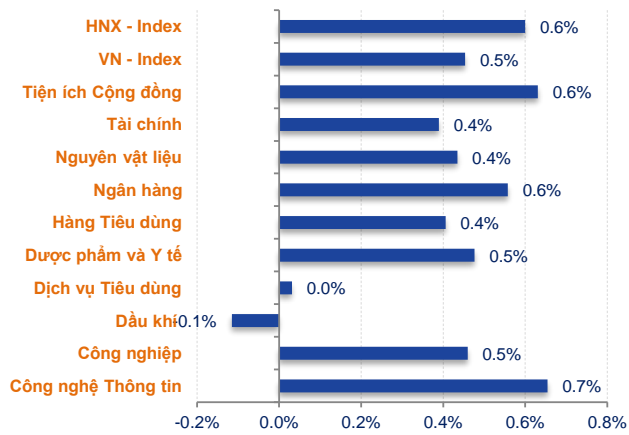
#### KLGD và VN-Index trong phiên



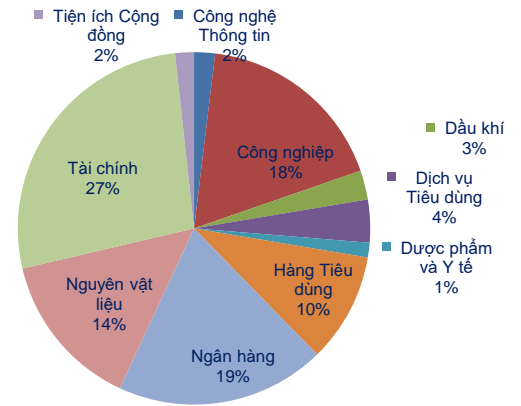
#### KLGD và HNX-Index trong phiên



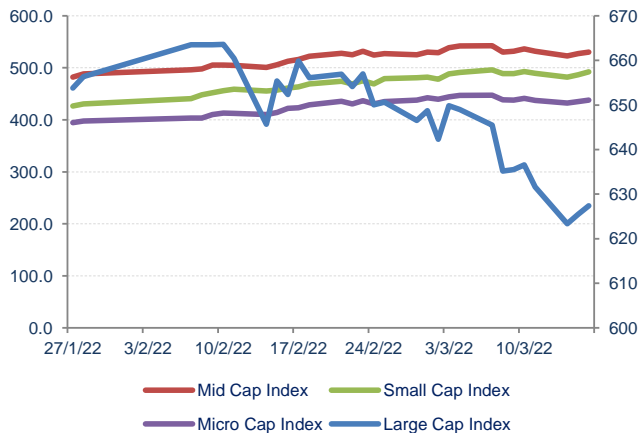
#### Biến động giá phân theo nhóm Ngành



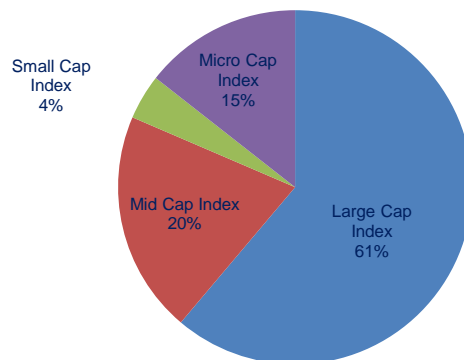
#### Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



#### Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



#### Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



#### Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	STB	1,483,700	LPB	3,248,700
2	VNM	475,500	HPG	1,551,500
3	VCG	401,800	VIC	1,480,574
4	ASM	367,100	VHM	1,006,400
5	TNH	337,800	HDB	994,400

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	LUT	41,300	SCI	37,600
2	TTZ	15,800	NTP	26,900
3	PVI	13,800	PVS	20,500
4	KLF	13,500	THD	11,400
5	CTC	12,000	HUT	10,310

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
LPB	22.05	22.15	↑ 0.45%	56,679,241
HAG	11.75	11.50	↓ -2.13%	20,757,100
FLC	12.55	12.80	↑ 1.99%	15,301,800
SCR	22.20	22.60	↑ 1.80%	12,720,200
APH	24.90	26.60	↑ 6.83%	12,176,000

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVS	35.20	34.90	↓ -0.85%	5,996,819
KLF	6.40	6.70	↑ 4.69%	5,324,798
HUT	44.20	46.50	↑ 5.20%	5,132,841
CEO	69.00	68.30	↓ -1.01%	4,307,959
BII	13.90	15.10	↑ 8.63%	3,146,524

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FRT	127.50	136.40	8.90	↑ 6.98%
CSV	53.00	56.70	3.70	↑ 6.98%
ASM	18.60	19.90	1.30	↑ 6.99%
IDI	20.80	22.25	1.45	↑ 6.97%
SJF	14.35	15.35	1.00	↑ 6.97%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PHN	40.00	44.00	4.00	↑ 10.00%
CAN	56.00	61.60	5.60	↑ 10.00%
NDX	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
VC9	14.10	15.50	1.40	↑ 9.93%
THS	26.20	28.80	2.60	↑ 9.92%

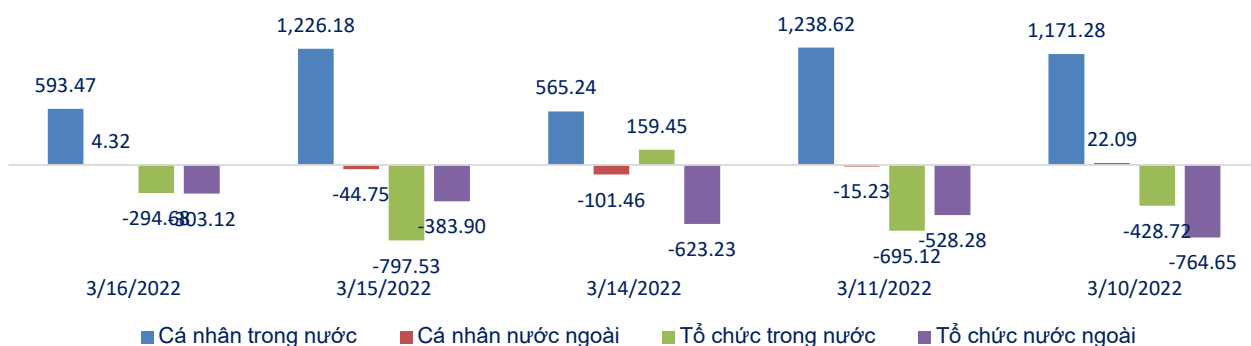
## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
AGM	62.00	57.70	-4.30	↓ -6.94%
EMC	22.60	21.05	-1.55	↓ -6.86%
SSC	41.30	38.50	-2.80	↓ -6.78%
TNC	46.00	43.00	-3.00	↓ -6.52%
VAF	17.70	16.70	-1.00	↓ -5.65%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BXH	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%
INC	15.30	13.80	-1.50	↓ -9.80%
HCT	17.40	15.70	-1.70	↓ -9.77%
VTH	12.40	11.20	-1.20	↓ -9.68%
HMH	21.50	19.50	-2.00	↓ -9.30%

(\*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


**Top Mua ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	154.28	-1.9%	(717)	-	1.9
HPG	128.50	46.0%	7,708	6.0	2.3
APH	115.75	1.1%	224	111.0	1.0
VHM	115.48	35.3%	9,036	8.2	2.5
LPB	79.90	18.5%	2,378	9.3	1.6

**Top Bán ròng Cá nhân trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	-199.37	20.7%	2,668	9.5	1.8
STB	-77.95	10.8%	1,855	17.6	1.8
GEX	-46.50	7.3%	1,490	25.4	1.6
DGC	-43.89	45.9%	13,959	12.8	6.0
FLC	-40.18	0.7%	119	105.5	0.9

**Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HAH	2.42	27.5%	8,704	10.4	2.3
BID	1.53	12.7%	2,090	20.1	2.5
KDH	1.46	13.1%	1,931	25.9	3.1
TDM	1.34	18.8%	3,286	11.2	2.0
HVN	1.18	-832.8%	(7,832)	-	39.2

**Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
E1VFN30	-7.19	N/A	N/A	N/A	N/A
SKG	-3.01	-4.6%	(609)	-	1.8
DIG	-0.92	15.3%	2,210	41.3	5.9
GAS	-0.87	17.1%	4,531	23.8	4.0
HPG	-0.77	46.0%	7,708	6.0	2.3

**Top Mua ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSB	199.37	20.7%	2,668	9.5	1.8
GEX	46.81	7.3%	1,490	25.4	1.6
FLC	41.56	0.7%	119	105.5	0.9
STB	29.44	10.8%	1,855	17.6	1.8
DGC	28.41	45.9%	13,959	12.8	6.0

**Top Bán ròng Tổ chức trong nước**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
APH	-115.69	1.1%	224	111.0	1.0
ACB	-63.19	23.9%	3,554	9.2	2.0
HPG	-56.33	46.0%	7,708	6.0	2.3
MBB	-46.04	22.6%	3,361	9.4	1.9
TCB	-42.45	21.5%	5,144	9.4	1.9

**Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	48.38	10.8%	1,855	17.6	1.8
VNM	37.02	30.3%	5,042	15.3	4.5
PNJ	26.80	18.3%	4,543	22.7	3.9
TNH	17.98	20.0%	2,735	19.2	3.2
VCG	17.62	5.5%	965	45.0	2.5

**Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài**

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	-114.60	-1.9%	(717)	-	1.9
VHM	-75.54	35.3%	9,036	8.2	2.5
LPB	-72.13	18.5%	2,378	9.3	1.6
HPG	-71.40	46.0%	7,708	6.0	2.3
HDB	-27.53	21.8%	3,033	9.0	1.8



## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
LPB	56,679,241	18.5%	2,378	9.3	1.6
HAG	20,757,100	3250.0%	199	59.2	2.3
FLC	15,301,800	0.7%	119	105.5	0.9
SCR	12,720,200	3.8%	511	43.5	1.6
APH	12,176,000	1.1%	224	111.0	1.0

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	5,996,819	4.7%	1,260	27.9	1.3
KLF	5,324,798	0.4%	40	158.4	0.6
HUT	5,132,841	1.9%	240	184.2	4.1
CEO	4,307,959	2.7%	362	190.6	5.0
BII	3,146,524	5.4%	567	24.5	1.3

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	↑ 7.0%	30.6%	5,618	22.7	6.0
CSV	↑ 7.0%	19.3%	4,734	11.2	2.2
ASM	↑ 7.0%	8.3%	1,788	10.4	0.8
IDI	↑ 7.0%	4.5%	600	34.7	1.5
SJF	↑ 7.0%	2.2%	231	62.1	1.3

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PHN	↑ 10.0%	27.0%	4,194	9.5	2.6
CAN	↑ 10.0%	21.1%	5,843	9.6	1.9
NDX	↑ 10.0%	4.5%	573	17.4	0.8
VC9	↑ 9.9%	2.1%	145	97.5	17.2
THS	↑ 9.9%	9.7%	1,399	18.7	2.1

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	1,483,700	10.8%	1,855	17.6	1.8
VNM	475,500	30.3%	5,042	15.3	4.5
VCG	401,800	5.5%	965	45.0	2.5
ASM	367,100	8.3%	1,788	10.4	0.8
TNH	337,800	20.0%	2,735	19.2	3.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	41,300	0.6%	72	132.7	0.8
TTZ	15,800	-0.2%	(16)	-	0.7
PVI	13,800	11.2%	3,722	13.4	1.6
KLF	13,500	0.4%	40	158.4	0.6
CTC	12,000	10.9%	876	12.1	1.3

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	383,807	21.3%	4,629	17.5	3.5
VHM	324,400	35.3%	9,036	8.2	2.5
VIC	298,631	-1.9%	(717)	-	1.9
BID	212,964	12.7%	2,090	20.1	2.5
GAS	206,707	17.1%	4,531	23.8	4.0

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	59,465	21.8%	2,805	60.6	9.4
KSF	32,070	9.0%	1,373	77.8	5.4
IDC	20,340	9.6%	1,508	44.9	4.3
CEO	17,756	2.7%	362	190.6	5.0
VCS	17,552	40.6%	11,096	9.9	3.6

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
DRH	3.59	1.6%	231	79.7	1.4
KHP	3.59	7.2%	836	20.8	1.5
BSI	2.95	22.2%	2,936	13.8	3.0
FTS	2.90	32.6%	5,774	8.7	2.7
LDG	2.87	4.4%	587	33.6	1.5

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.46	7.0%	343	37.9	2.6
CEO	2.82	2.7%	362	190.6	5.0
ART	2.75	3.0%	350	30.3	0.9
VC7	2.66	2.6%	354	66.4	2.2
L18	2.64	6.7%	877	66.8	4.2



Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**P.Trường phòng: Ngô Thế Hiện**  
[hien.nth@shs.com.vn](mailto:hien.nth@shs.com.vn)

**Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành**  
[thanh.nk@shs.com.vn](mailto:thanh.nk@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng**  
[thang.nd@shs.com.vn](mailto:thang.nd@shs.com.vn)

*Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.*

*Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.*

*SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.*

*Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation*

---

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### **Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội**

#### **Trụ sở chính tại Hà Nội**

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Hồ Chí Minh**

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,  
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,  
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### **Chi nhánh Đà Nẵng**

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)

---